



HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHO HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

THUẾ TP HÀ NỘI

Thông tư 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính
Hiệu lực thi hành: Từ 01/01/2026

QUY ĐỊNH CHUNG

Đối tượng



Hộ kinh doanh
Cá nhân kinh doanh

Tổ chức công tác kế toán



Chủ HKD, CNKD tự ghi chép kế toán hoặc thuê dịch vụ hoặc bố trí người làm kế toán.
Chủ HKD, CNKD có thể bố trí người thân làm kế toán hoặc người làm quản lý, thủ kho ... kiêm nhiệm làm kế toán

Lưu trữ tài liệu



Phương tiện điện tử/ Bản giấy
Thời hạn lưu trữ: tối thiểu 5 năm
Mẫu sổ kế toán kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC

PHÂN LOẠI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NỘP THUẾ

NHÓM 1	NHÓM 2	NHÓM 3	NHÓM 4
Không chịu thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN	Nộp thuế GTGT và TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu	Nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế	Có hoạt động chịu các loại thuế khác (Thuế XNK, TTĐB, Tài nguyên, BVMT ...)
Sổ doanh thu bán hàng hóa dịch vụ (Mẫu S1a-HKD)	Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu S2a-HKD)	(1) Sổ doanh thu bán HHDV (Mẫu S2b-HKD) (2) Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu S2c-HKD) (3) Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu S2d-HKD) (4) Sổ chi tiết tiền (Mẫu S2e-HKD)	Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế khác (Mẫu S3a-HKD)



**KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH
THUỘC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT,
KHÔNG PHẢI NỘP THUẾ TNCN**

Thông tư 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính
Hiệu lực thi hành: Từ 01/01/2026



TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu năm **từ 500 triệu đồng trở xuống**

SỔ KẾ TOÁN



Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ
(Mẫu số S1a-HKD)

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số S1a-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỐ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....
Kỳ kê khai:.....

Ngày tháng	Diễn giải	Số tiền
A	B	1
	Tổng cộng	

Ngày ... tháng ... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

MỤC ĐÍCH



Ghi chép toàn bộ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ làm căn cứ kê khai, xác định nghĩa vụ thuế (nếu có) và theo dõi, đối chiếu số liệu với cơ quan thuế

PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ



- **Cột A:** Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- **Cột B:** Ghi diễn giải doanh thu từ việc bán hàng hóa, dịch vụ. HKD, CNKD có thể ghi theo từng nghiệp vụ phát sinh hoặc theo định kỳ.
- **Cột 1:** Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ.



KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, PHẢI NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Thông tư 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính

Hiệu lực thi hành: Từ 01/01/2026

TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG:

Hộ kinh doanh, cá nhân

kinh doanh nộp thuế

GTGT và thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu



HKD, CNKD thực hiện mở sổ kế toán theo

Mẫu S2a-HKD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC)

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2a-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỐ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Ký kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		2. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (2)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		3. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (3)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		Tổng số thuế GTGT phải nộp	
		Tổng số thuế TNCN phải nộp	

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ

- **Cột A, B:** Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.
- **Cột C:** Ghi diễn giải nội dung doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % hoặc cùng mức thuế suất.
- **Cột 1:** Ghi số tiền bán HHDV có thể theo từng ngành nghề hoặc cùng mức thuế suất. HKD, CNKD tính ra số tiền thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp. Dòng cuối cùng ghi tổng số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.

LƯU Ý

Ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN.

Nếu cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT, thuế TNCN thì HKD cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp với cơ quan thuế.



HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Trường hợp HKD, CNKD nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế (Điều 6 Thông tư 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025)

1

Chứng từ kế toán

Bao gồm:

- **Hóa đơn, Bảng kê mua hàng hóa, dịch vụ** (HKD, CNKD mua hàng hóa, dịch vụ của người bán hàng không có hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng).
- **Các chứng từ kế toán khác** làm căn cứ để xác định doanh thu, thu nhập tính thuế

2

Sổ kế toán

HKD, CNKD sử dụng các sổ kế toán theo danh mục sau đây:

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	Mẫu số S2b-HKD
2	Sổ chi tiết doanh thu, chi phí	Mẫu số S2c-HKD
3	Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số S2d-HKD
4	Sổ chi tiết tiền	Mẫu số S2e-HKD

Trong đó:

- **1. Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2b-HKD):** để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (HH, DV) theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT;
 - Trường hợp HKD, CNKD **có nhiều nhóm ngành nghề khác nhau** => **có thể mở sổ này cho từng ngành nghề có cùng tỷ lệ %** để tính thuế GTGT.
 - Trường hợp cơ quan thuế (CQT) cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT => HKD, CNKD sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT phải nộp với CQT.
- **2. Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu số S2c-HKD):** để xác định nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế.
 - Trường hợp CQT cung cấp dữ liệu nộp thuế TNCN => HKD, CNKD sử dụng sổ này để đối chiếu số thuế TNCN phải nộp với CQT.
- **3. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số S2d-HKD):** để theo dõi, quản lý về tình hình nhập, xuất, tồn cho từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- **4. Sổ chi tiết tiền (Mẫu số S2e-HKD):** để theo dõi tình hình thu, chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi để thanh toán) trong tài khoản của HKD, CNKD tại các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
 - HKD, CNKD có thể mở sổ này chi tiết theo từng loại tiền (*tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn*).
 - Đối với **tiền gửi không kỳ hạn**, HKD, CNKD có thể **theo dõi riêng** số tiền gửi tại từng ngân hàng hoặc từng tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.



HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

1. Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2b-HKD)



HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số S2b-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỐ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
Địa điểm kinh doanh:
Kỳ kê khai:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	

2. Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu số S2c-HKD)

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số S2c-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỐ CHI TIẾT DOANH THU, CHI PHÍ
Tên địa điểm kinh doanh:
Kỳ kê khai:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	
		2. Chi phí hợp lý	
		a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.	

3. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số S2d-HKD)

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số S2d-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31
tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỐ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
Kỳ kê khai:

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
		Số dư đầu kỳ									

4. Sổ chi tiết tiền (Mẫu số S2e-HKD)

HỌ, CÁ NHÂN KINH DOANH:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

Mẫu số S2e-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31
tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỐ CHI TIẾT TIỀN
Kỳ kê khai:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng		Thu/Gửi vào	Chi/Rút ra
A	B	C	1	2
		Tiền mặt		
		Tiền mặt đầu kỳ		
				



Quét mã QR CODE để tải chi tiết mẫu biểu
(kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính)



Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
có hoạt động thuộc diện chịu các
loại thuế khác

**Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế khác
(Mẫu số S3a-HKD)**



Mẫu số S3a-HKD
(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỐ THEO DÕI NGHĨA VỤ THUẾ KHÁC
Địa điểm kinh doanh:.....
Kỳ kê khai:.....

Đạm vi tính:

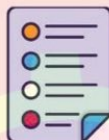
[illegible]

PHƯƠNG

PHÁP

GHI

SỞ



Cột 1	Ghi lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.
Cột 2	Ghi mức thuế tuyệt đối theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.
Cột 3	Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
Cột 4	Ghi mức thuế suất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất.

Cột 5 (Cột 1 x Cột 3 x Cột 4)	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ %
Cột 6 (Cột 1 x Cột 2)	Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối
Cột 7 (Cột 5+ Cột 6)	Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp
Cột 8 (Cột 1 x Cột 2)	Tính thuế bảo vệ môi trường phải nộp
Cột 9 (Cột 1 x Cột 3 x Cột 4)	Tính thuế tài nguyên phải nộp
Cột 10 (Cột 1 x Cột 3 x Cột 4)	Tính thuế sử dụng đất phải nộp

Côt A

Ghi ngày, tháng ghi số

Ngày + Tháng + Năm
= ?/?/? = 

CÔT B

Ghi diễn giải nội dung
nghiệp vụ phát sinh

